



zhòng yào

重要

Adjective · important

Example Sentences

shuǐ hěn zhòng yào

水很重要。

Water is important.

zài huì yì shàng tā tí chū le yí gè zhòng yào de jiàn yì

在会议上，他提出了一个重要的建议。

At the meeting, he made an important suggestion.

nǐ jué de péng yǒu zhī jiān de xìn rèn zhòng yào ma

你觉得朋友之间的信任重要吗？

Do you think trust between friends is important?

Trace each character, then write the word on your own.

重	重	重	重	重	重	重	重	重	重	重
重										

要	要	要	要	要	要	要	要	要	要	要
要										